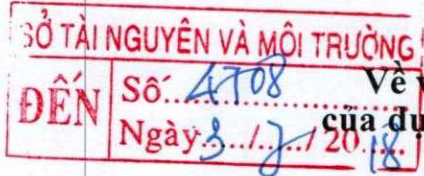


**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 4578 /QĐ-BNN-KHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Cụm công trình Thủy lợi Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình Thủy lợi Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum họp ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình Thủy lợi Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 46/CV-BQL ngày 26/10/2017 Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các công trình NN & PTNT Tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình Thủy lợi Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các công trình NN & PTNT Tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí thực hiện.

- Hồ chứa nước Ia Hiur: Xây dựng trên suối Ia Hiur, xã Ia Toi.
- Hồ chứa nước Suối Đá: Xây dựng trên suối Đá, xã Ia Toi.
- Hồ chứa nước Suối Cát: Xây dựng trên suối Cát, xã Ia Dom.

Tọa độ địa lý theo hệ VN2000 các hạng mục công trình như sau:

TT	Tên các hạng mục công trình	Tọa độ VN2000	
		X	Y
1	Hồ chứa nước Ia Hiur	1561491	505523
2	Hồ chứa nước Suối Đá	1559705	499354
3	Hồ chứa nước Suối Cát	1567521	497470

1.2. Quy mô: Thể hiện trong bảng thông số kỹ thuật dưới đây:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số		
			Hồ chứa nước Ia Hiur	Hồ chứa nước Suối Đá	Hồ chứa nước Suối Cát
I	Thông số hồ chứa				
1	Mực nước dâng bình thường	m	333,00	216,51	251,10
2	Mực nước chết	m	318,00	212,15	238,00
3	Mực nước lũ thiết kế (P=1,5%)	m	334,08	218,32	252,44
4	Mực nước lũ kiểm tra (P=0,5%)	m	334,36	218,63	252,63
5	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	8.488	0,739	0,719
6	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	8.123	0,612	0,561
7	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0.395	0,126	0,158
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	93,64	21,07	6,63
9	Chế độ điều tiết		Điều tiết năm	Điều tiết năm	Điều tiết năm
II	Thông số đập dâng				
1	Hình thức đập		Đập BT trọng lực	Đập đất đồng chất	Đập đất đồng chất
2	Cao trình đỉnh đập	m	334,80	219,70	253,50
3	Cao trình cơ đập	m		220,40	240,00
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	23,6	12,70	29,50

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số		
			Hồ chứa nước Ia Hiur	Hồ chứa nước Suối Đá	Hồ chứa nước Suối Cát
5	Chiều dài đập	m	263,69	260	163
6	Chiều rộng mặt đập	m	5,0	6,0	6,0
7	Chiều rộng cơ đập	m		3,0	3,0
8	Kết cấu mặt đập		Bê tông M250	Bê tông M250	Bê tông M250
III	Tràn xả lũ:				
1	Hình thức tràn		Tràn Ôphixerop, chảy tự do kết hợp tràn có cửa	Đập tràn đỉnh rộng chảy tự do	Tràn dọc, chảy tự do, ngưỡng tràn Phím Piano
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	333,0 và 329,0	216,51	251,1
3	Chiều rộng tràn tự do/thực tế	m	30,0	30,0	15,0
4	Chiều rộng tràn có cửa/Ltr hiệu quả	m	5,0		105,0
5	Lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	162,3	122,21	183,45
6	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	195,1	152,53	211,45
7	Cột nước tràn lũ thiết kế	m	1,43	1,81	1,34
8	Cột nước tràn lũ kiểm tra	m	1,61	2,12	1,53
IV	Cổng lấy nước				
1	Hình thức cổng		Cổng tròn chảy có áp		
2	Khẩu diện cổng	m	D800	D400	D400
3	Cao trình cửa vào cổng	m	316,5	211	236,5
4	Cao trình đáy cổng hạ lưu	m	316,4	210,96	236,4
5	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	1,0	0,118	0,118
VI	Hệ thống kênh				
1	Diện tích tưới	ha	1.000,0	120,0	110,0
2	Kênh tưới chính				
-	Kênh hở, tiết diện chữ nhật (BxH)	m		(0,7x0,9)-:- (0,4x0,6)	
-	Kênh ống, K0-K5+740	m	Φ= (0,7-:-0,8)		(0,45-:- 0,18)
-	Kênh ống, K5+740-K13+457(Kc)		Φ= (0,25-:-0,7)		
-	Chiều dài kênh tưới	m	13.457,00	2.191,00	4.266,00
-	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	(0,85-:-0,04)	(0,118-:- 0,022)	(0,122-:- 0,028)

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số		
			Hồ chứa nước Ia Hiur	Hồ chứa nước Suối Đá	Hồ chứa nước Suối Cát
-	Kết cấu kênh		Ống thép	BTCT M200	Ống nhựa HDPE
VII	Đường thi công QLVH				
-	Loại công trình	Giao thông miền núi cấp VI			
-	Bề rộng nền đường (Bn)	m	5,0	5,0	5,0
-	Bề rộng mặt đường (Bm)	m	3,5	3,5	3,5
-	Kết cấu mặt đường	BTCT dày 18cm			
-	Chiều dài tuyến (Lđ)	Km	4,794	1,932	2,364
VIII	Hệ thống cấp nước sinh hoạt				
-	Nhiệm vụ cấp nước	Người	2.700,00		
-	Lưu lượng thiết kế	l/s	4,94		
-	Chiều dài đường ống cấp nước	Km	15,97		
-	Loại ống HDPE/ đường kính ống	(mm)	200-:-50		

1.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ Dự án.

Đường quản lý vận hành, nhà quản lý, công viên cây xanh và cảnh quan, đường điện phục vụ thi công và vận hành, kho bãi, lán trại cho cán bộ, công nhân thi công xây dựng dự án.

1.4. Phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường này không đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng Dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành; lập phương án tận thu tài nguyên rừng trong phạm vi thực hiện Dự án (nếu có) và phương án trồng bù rừng trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Tổ chức rà phá bom mìn và vật nổ (nếu có); tổ chức vệ sinh, thu dọn thảm thực vật, cơ sở hạ tầng trong phạm vi chiếm đất của Dự án và báo cáo kết quả đến cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra trước khi tiến hành thi công và tích nước hồ.

2.4. Bố trí, thiết kế các công trình phục vụ thi công như: ban chỉ huy công trường, nhà ở cho cán bộ của công nhân viên, kho chứa nguyên vật liệu, bãi tập kết máy móc thiết bị, bãi chứa chất thải ở những nơi phù hợp, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công và vận hành các công trình của Dự án. Các bãi chứa chất thải (tạm thời và vĩnh viễn) chỉ được phép đổ thải khi có văn bản chấp thuận của các hộ dân có liên quan và chính quyền địa phương nơi có bãi thải của Dự án.

2.5. Tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp QCVN 02:2008/BCT và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành khác có liên quan; có giải pháp kỹ thuật nổ mìn phù hợp để giảm thiểu sóng chấn động, sóng va đập không khí khi tiến hành nổ mìn nhằm bảo vệ an toàn cho các cơ sở hạ tầng và người lao động.

2.6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Đặc biệt chú ý biện pháp kỹ thuật xử lý các sự cố rủi ro liên quan đến tai nạn hoặc tràn đổ nhiên liệu, hoá chất độc hại từ các máy móc, thiết bị trong quá trình xây dựng Dự án.

2.7. Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án; có biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông trong vùng dự án (đất, đá rơi vãi, ùn tắc và tai nạn giao thông, hư hỏng đường giao thông...); có biện pháp quản lý cán bộ, công nhân lao động của Dự án để ngăn chặn các hiện tượng xung đột xã hội đối với người dân địa phương; có biện pháp quản lý cán bộ, công nhân lao động của Dự án nhằm ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng xung quanh khu vực thực hiện Dự án và tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Đa dạng sinh học, bảo đảm việc đổ đất thải, đá thải, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

2.8. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

2.9. Thực hiện công tác phục hồi môi trường toàn bộ diện tích chiếm đất vĩnh viễn, tạm thời phục vụ thi công; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan khác thực hiện việc bàn giao lại sau khi hoàn thành thi công các hạng mục công trình của Dự án.

2.10. Có biện pháp kiểm soát sự gia tăng việc sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hoá chất nông nghiệp khác trong các vùng sản xuất nông nghiệp.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Thiết kế các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án.

3.2. Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

3.3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3.4. Chỉ được phép đổ chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án (chất thải xây dựng, đất thải, đá thải) vào bãi thải sau khi đã hoàn thành thi công các công trình bảo vệ môi trường của bãi thải.

3.5. Có biện pháp giảm thiểu tác động đến: giao thông thủy và nguy cơ tai nạn giao thông trên kênh; chống sạt lở hai bên bờ kênh; cung cấp nước phục vụ sinh hoạt; cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

3.6. Lập quy trình vận hành công trình để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào khai thác.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Chủ dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Kon Tum;
- Sở TN và MT tỉnh Kon Tum;
- Thanh tra Bộ;
- Các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy lợi, PCTT;
- Lưu: VT, KHCN (TTTB, 15b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh